

CTCP Lâm nông sản Thực phẩm Yên Bái (HNX: CAP)

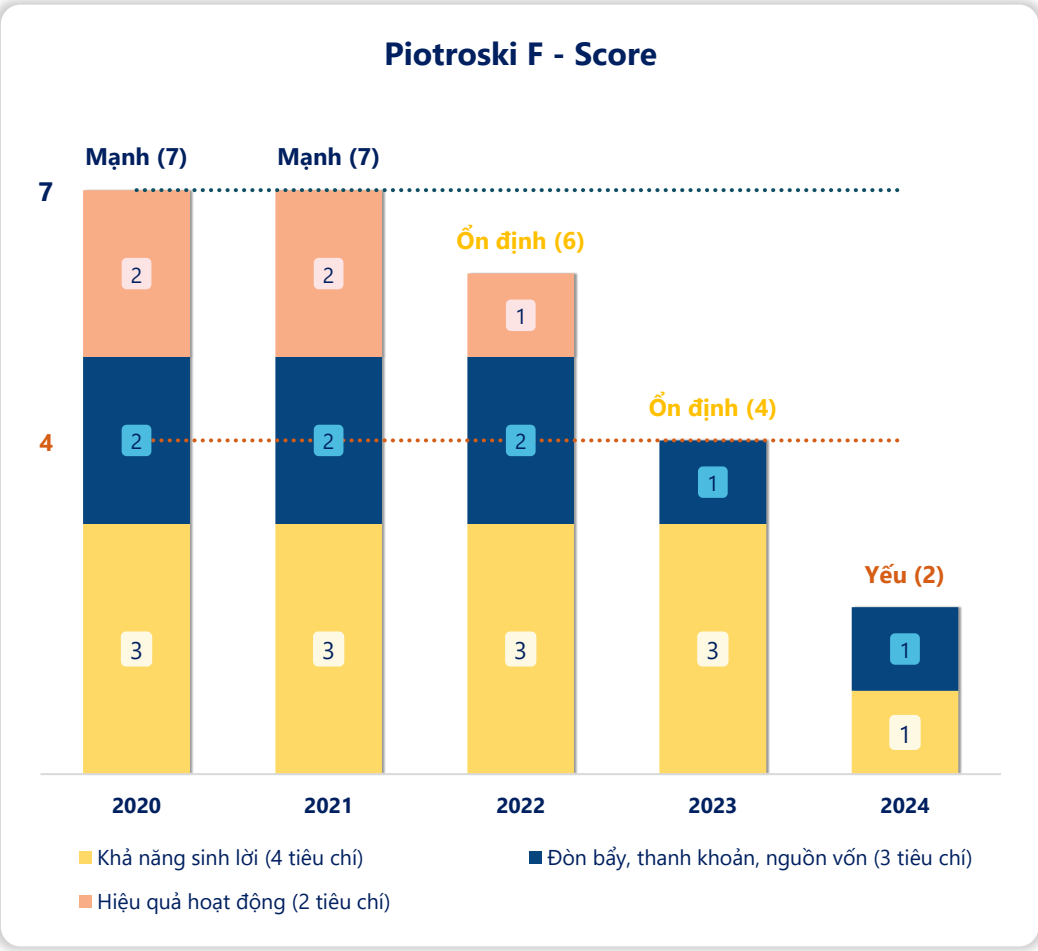
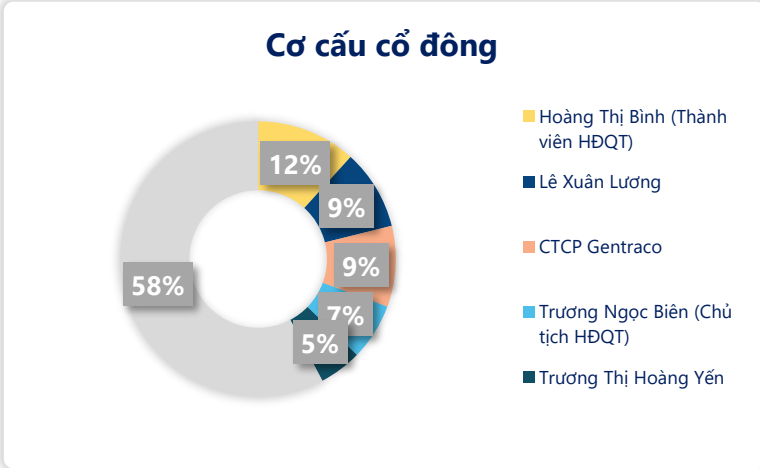
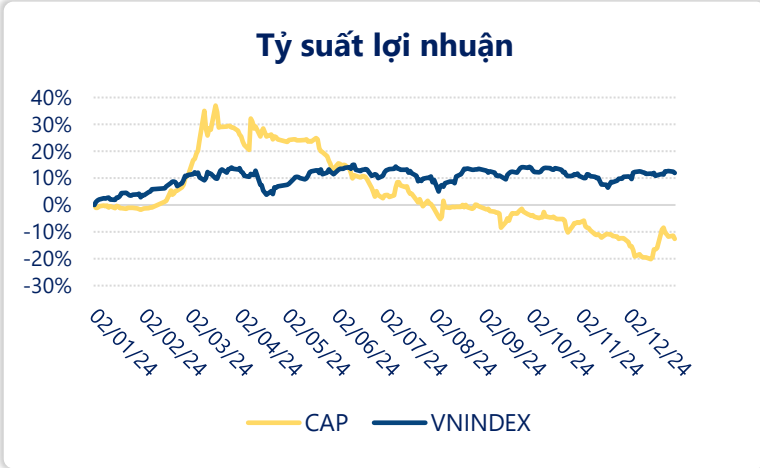
Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	43,900 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	3.3%	-8.2%	-15.6%

Sức mạnh tài chính	2024
Piotroski F - Score	2/9
2024	(Yếu)

DT thuần	2024
550	YoY
tỷ VNĐ	▼ 90.0
	▼ 14.0%

LN sau thuế	2024
22.7	YoY
tỷ VNĐ	▼ 85.3
	▼ 79.0%

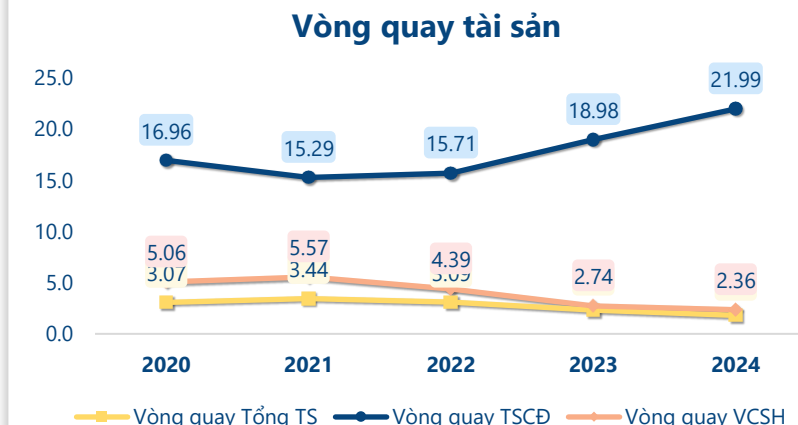
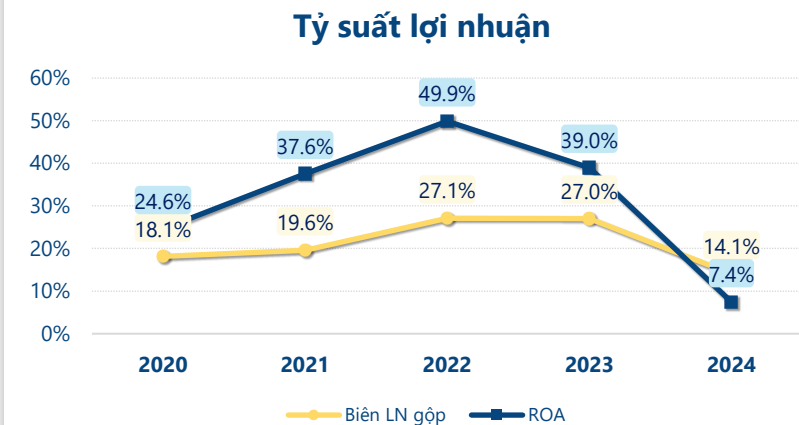
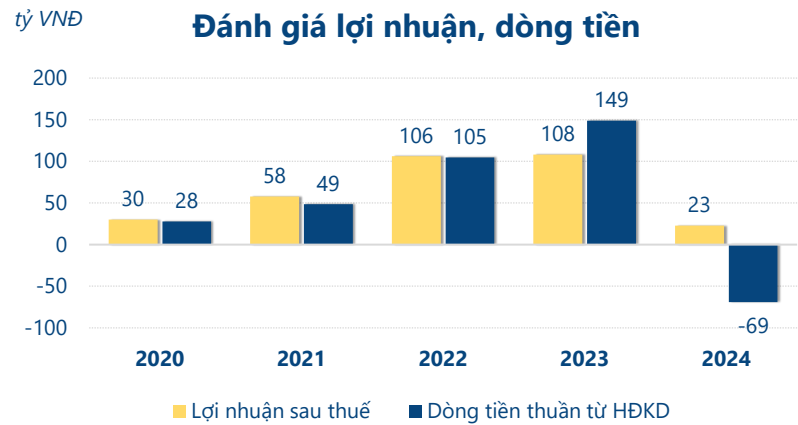


Năm 2024, F-Score của **CAP** đạt **2/9** thấp hơn năm trước cho thấy dấu hiệu báo động về sức khỏe tài chính đang giảm xuống mức **"yếu"**.

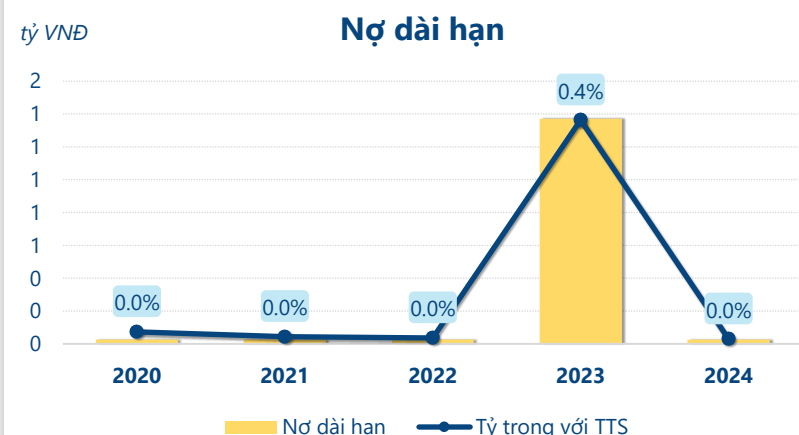
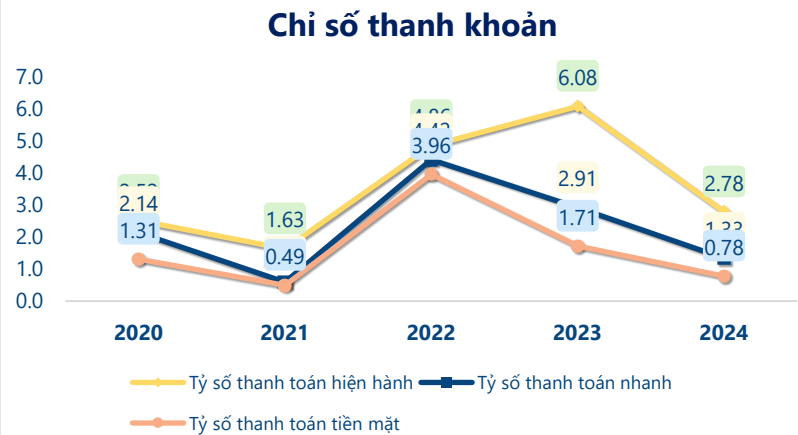
Trong đó, khả năng sinh lời **giảm** xuống còn **1/4** điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn **không thay đổi** vẫn ở mức **1/3** điểm. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, **không đạt** điểm nào cho thấy hiệu quả hoạt động của công ty chưa tốt.

F-Score ở mức yếu là một tín hiệu xấu cho thấy sự đáng lo ngại về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty. Phản ánh tình trạng không ổn định và rủi ro tài chính cao.

CTCP Lâm nông sản Thực phẩm Yên Bái (HNX: CAP)



Xét các tiêu chí thành phần của **F-Score** năm **2024** của **CAP**: Lợi nhuận sau thuế dương là một tín hiệu tích cực, tuy nhiên dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm có thể cho thấy công ty đang gặp khó khăn trong việc sinh lời từ hoạt động kinh doanh cốt lõi của mình. Công ty đang gặp khó khăn trong việc tạo ra lợi nhuận từ mỗi đơn vị tài sản khi ROA giảm so với năm trước. Việc giảm tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản thường phản ánh việc doanh nghiệp giảm bớt mức độ phụ thuộc vào nguồn vốn vay dài hạn. Sự suy giảm của tỷ số thanh toán hiện hành có thể gây lo ngại về khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn, tuy nhiên cũng cần phân tích kỹ hơn để hiểu rõ nguyên nhân của sự suy giảm này. Công ty phát hành cổ phiếu trong kỳ có thể dẫn đến EPS bị pha loãng, làm giảm giá trị cổ phiếu và giảm sự hấp dẫn của công ty đối với các nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	288	322	-10.5%
Tài sản ngắn hạn	263	288	-8.8%
Tiền và tương đương tiền	73.8	81.2	-9.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	50.8	53.8	-5.6%
Hàng tồn kho	137	150	-8.8%
Tài sản ngắn hạn khác	1.33	2.92	-54.6%
Tài sản dài hạn	25.1	33.6	-25.3%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	20.7	29.4	-29.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	3.71	4.18	-11.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.70	0.03	2175%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	94.5	48.7	93.8%
Nợ ngắn hạn	94.4	47.4	99.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	22.5	17.8	26.2%
Nợ dài hạn	0.03	1.37	-98.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	194	273	-29.1%
Vốn chủ sở hữu	194	273	-29.1%
Vốn điều lệ	153	101	51.9%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	376	531	657	640	550
Giá vốn hàng bán	308	427	479	467	473
Lợi nhuận gộp	68.1	104	178	173	77.4
Doanh thu HĐTC	1.34	1.72	3.91	9.41	5.80
Chi phí TC	0.36	1.72	1.33	0.26	3.51
Chi phí lãi vay	0.23	1.45	1.17	0.10	1.43
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	8.98	15.3	30.6	33.9	25.0
Chi phí QLDN	23.7	18.0	22.4	23.9	22.6
LN thuần từ HĐKD	36.4	70.7	128	124	32.2
Lợi nhuận khác	-0.86	-0.22	-0.58	-0.02	-1.63
LN trước thuế	35.5	70.5	127	124	30.5
Lợi nhuận sau thuế	30.1	57.9	106	108	22.7
LNST của CĐ cty mẹ	30.1	57.9	106	108	22.7

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	27.7	48.6	105	149	-69.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-20.3	-11.4	-4.35	-117	113
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-18.3	-59.2	-26.2	-33.0	-50.2
Tiền đầu kỳ	50.5	64.9	78.9	82.7	81.2
Lưu chuyển tiền thuần	-10.9	-22.0	74.2	-1.50	-6.68
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	-0.05	0.40	0.04	-0.76
Tiền cuối kỳ	39.6	42.9	154	81.2	73.8